

Số: 473/2026/QĐST-HNGĐ

Hà Nội, ngày 07 tháng 05 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
(V/v: Yêu cầu cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn)**

- Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 346/2026/TLST-HNGĐ ngày 01/04/2026 về việc “Yêu cầu cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn” giữa:

* **Nguyên đơn:** Chị **Lê Thị T**, sinh năm 1984, HKTT: Đội 12B, thôn T, xã B, thành phố Hà Nội;

Căn cước công dân số: 001184022xxx cấp ngày 23/03/2024 Nơi cấp: Cục CSQLHC về trật tự xã hội.

* **Bị đơn:** Anh **Đào Đức M**, sinh năm 1983, HKTT: Đội 12B, thôn T, xã B, thành phố Hà Nội;

Căn cước công dân: 001083008xxx cấp ngày 05/01/2024 Nơi cấp: Cục CSQLHC về trật tự xã hội.

- Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào Điều 107, 110, 116, 117 của Luật hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ vào Biên bản hòa giải thành ngày 28 tháng 04 năm 2026;

XÉT THẤY:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 02/03/2026 và lời khai tại Tòa án, chị Lê Thị T trình bày: Tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 109/2025/QĐST-HNGĐ ngày 24/03/2025 của Tòa án nhân dân huyện G, thành phố Hà Nội, về phần con chung ghi nhận: Anh Đào Đức M và chị Lê Thị T thống nhất xác định có 02 con chung là cháu Đào Đức P, sinh ngày 13/07/2010 và cháu Đào Đức P1, sinh ngày 21/04/2014. Giao cả hai con chung là cháu P và cháu P1 cho chị T là mẹ được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu P và cháu P1 trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác của pháp luật. Tạm hoãn nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung của anh M cho chị T cho đến khi cháu P và cháu P1 trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác của pháp luật. Nay cả hai cháu đến tuổi ăn học một mình chị T không đủ tiền để nuôi dưỡng các cháu hàng tháng, hàng năm nên chị làm đơn khởi kiện về việc: Yêu cầu nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con với anh Đào Đức M; Anh Đào Đức M đồng ý đóng góp cấp dưỡng nuôi con như chị Lê Thị T yêu cầu. Cụ thể: anh Đào Đức M tự nguyện đóng góp cấp dưỡng nuôi 02 con chung là cháu Đào Đức P, sinh ngày 13/07/2010 và cháu Đào Đức P1, sinh ngày 21/04/2014 số tiền là 6.000.000 đồng/tháng (mỗi con là 3.000.000đồng/tháng) cho đến khi cháu P và cháu P1 đủ 18 tuổi hoặc đến khi có Quyết định khác của pháp luật thay thế.

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận:

* **Nguyên đơn:** Chị **Lê Thị T**, sinh năm 1984, HKTT: Đội 12B, thôn T, xã B, thành phố Hà Nội;

* **Bị đơn:** Anh **Đào Đức M**, sinh năm 1983, HKTT: Đội 12B, thôn T, xã B, thành phố Hà Nội;

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Chấp nhận yêu cầu của chị **Lê Thị T** và anh **Đào Đức M** về việc “***Yêu cầu cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn***”.

Anh Đào Đức M và chị Lê Thị T thống nhất thỏa thuận, hàng tháng anh Đào Đức M tự nguyện đóng góp cấp dưỡng nuôi 02 (hai) con chung là cháu Đào Đức P, sinh ngày 13/07/2010 và cháu Đào Đức P1, sinh ngày 21/04/2014 số tiền là 6.000.000đồng/tháng (Sáu triệu đồng), (mỗi con là 3.000.000đồng/tháng), kể từ tháng 05 năm 2026 cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có quyết định khác thay thế.

3. Về án phí: Chị Lê Thị T tự nguyện toàn bộ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng. Xác nhận chị đã nộp 300.000 đồng tại Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007647 ký hiệu: BLTU/26E ngày 31/03/2026. Nay chuyển thành án phí.

4. Về hiệu lực của quyết định: Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hà Nội;
- VKSND Khu vực 5 - Hà Nội;
- Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 5, TP. Hà Nội;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án;

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Hồng Hạnh